

Yun 42

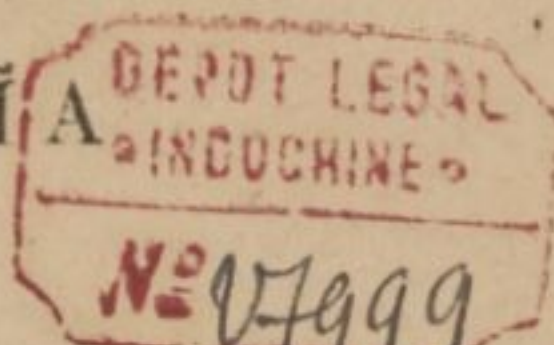
佛說八大人覺經

GIẢNG NGHĨA

KINH

BÁT-ĐẠI NHÂN-GIÁC

THIỆU - CHỮ



1942

IN TẠI NHÀ IN ĐUỐC-TUE

73, Rue Richoud, 73

HANOI

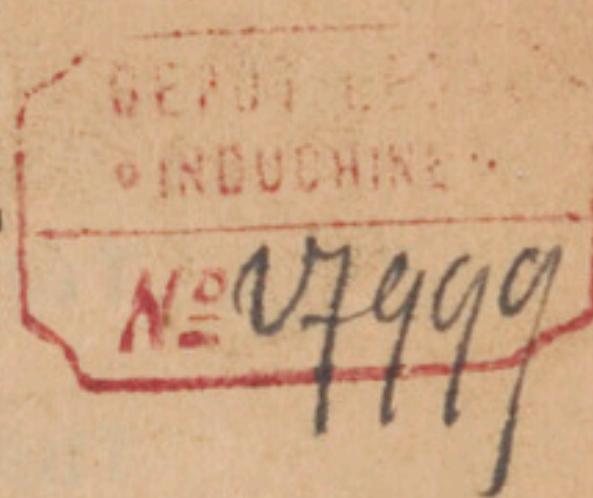
HOÀNG-PHÁP

LỢI-SINH

160 Indoch
Pieu 1356

GIẢNG NGHĨA KINH
BÁT-ĐẠI NHÂN-GIÁC

(Kỷ-niệm công-đức Hòa-Thượng
Bằng-Sở một vị đã thực-hành bốn chữ
Hoàng-Pháp Lợi-Sinh của Phật).



Hiệu-Mỹ-Chương cúng ảnh

Cổ đức nói :

Túng nhiên bát vạn tứ thiên kiếp,

Thân vi sàng tọa biến tam thiên,

Nhược bất hoằng pháp độ chúng-sinh,

Chung thị bất báo Phật ân giả,

« Vi thử tám vạn bốn nghìn kiếp, nguyện đem thân này làm tòa ngồi khắp ba ngàn thế-giới, để cúng dàng Phật ngồi, nếu không làm cho Phật pháp được hưng long, để lễ-độ cho chúng-sinh thì kết cục cũng không phải là báo được ân Phật »

Chúng con giới tử, con quy ban Hộ-niệm, cùng các thiện-tín đội ơn Tồ đã treo cho một tấm gương sáng, biết lỗi quy-y, chúng con không biết lấy gì báo ơn Tồ được, dẫu xin học đòi ý kệ, ấn tống kinh Bát-đại nhân-giác này để kỷ-niệm công đức Tồ, và mong rằng Tồ mở lòng đại-bi, thừa nguyện tái lai mà cứu giúp chúng-sinh như chúng con.

Nam mô A-Di-Đà Phật

TIÊU - SỬ

SƯ TỒ BẰNG-SỞ

I. — Nhân duyên xuất-gia.

Tồ tại gia họ Phan, húy là Trung-Thứ, pháp-danh là Chân-Như, quê ở làng Hoàn-đông, huyện Gia-thủy, tỉnh Nam-định. Tồ vốn giòng thi-lễ, Tồ tiên về đời Lê đã có vị làm tới quận-công. Tồ bẩm tính thanh quý, tư chất thông-minh, thừa nhỏ đã theo học Nho, Ngũ-kinh, tứ-thư, cho đến bách-gia chư-tử đều thông suốt cả, văn-chương thơ phú, cũng đã đầy công rèn luyện ; nhưng Tồ vốn là bậc túc thế tu tuệ đã nhiều, nên kiếp này thừa-nguyện tái-lai, tuy nếp nhà thi-thư, cũng vẫn tự giác được con đường chân thật, không bị lời cuốn vào trong vòng lợi-toả danh-cương, thê-chóc tử phọc, nên đến năm 19 tuổi mà vẫn hoàn toàn là đồng-tử xuất-gia.

II. — Công-phu tu hành.

Từ thân xuất gia, đầu tiên Tồ đến chùa Liên-tĩnh tỉnh Nam làm lễ thế-phát thụ Sa-di, được mấy năm Tồ lại được Tồ Sóc là bậc thúc - phụ chỉ đường cho tìm bậc thiện tri - thức là Tồ-Nghệ ở chùa Thịnh-quang. Nhờ có Tồ-Nghệ là một vị giới-luật tinh-nghiêm đôn đốc cho, nên trong mấy năm Tồ được tiến lên giới Cụ-túc ở chùa Linh quang, lại được nhờ Tồ Linh-quang giáo-huấn, nên giới luật lại thêm đầy đủ, sẵn có sức Hán-học uyên thâm, có cái nền đạo-đức vững vàng, nên không bao lâu Tồ đã trở lên

một bậc đồng-lương trong thuyền - gia, gồm cả đạo đức cùng văn-chương. Ai được biết Tổ, cũng nhận thấy rằng sau này Tổ tất làm cho thuyền-gia được vẻ vang vậy.

III. — Công-nghiệp hoằng Pháp về tinh-thần.

Khi Tổ tuổi ngoài bốn mươi, Tổ đã nhận rõ thấy các thanh-niên đệ-tử Phật nhiều người thất học, giáo-lý không thông, giới-luật không rõ, nên Tổ rất lưu tâm về việc học và việc lưu-thông kinh điển.

Khi Tổ an-trụ ở chùa Bằng thì khai tràng thuyết pháp ở chùa Bằng, khi an-trụ ở chùa Sở thì khai tràng thuyết-pháp ở chùa Sở. Quanh năm cặm cùi, không lúc nào ngơi, hằng lo tiếp dẫn các đàn sau. Tổ giảng kinh cốt cho người nghe rõ nghĩa, không câu nệ cái lối chỉ chung bất chẳng như tập tục, nên các đệ-tử xuất-gia tại-gia đều nức lòng theo học, tràng học lúc nào cũng chật ních. Tổ lại lưu-tâm về khoa sư-phạm, có ân, có uy, nên đệ-tử vừa mến vừa sợ, mỗi khi đến trai-đường hay lên Phật-điện, đều thấy nghiêm-mật tề-chỉnh, nhất luật chỉnh tề như trong quân đội vậy. Tổ lại ra chủ Hạ ở chùa Linh-quang, kiêm san bộ Đại-Bảo-Tích để báo đức Tổ Linh quang, lại chủ chương công việc cắt bộ tư-phận-hành-sự-sao, bộ phương-đăng bát-nhã là những bộ kinh luật rất lớn, công việc rất nặng nề, không phải là người tinh-thâm văn nghĩa, và có tính nhẩn nại chuyên cần không thể kham nổi, nên Tổ Vĩnh đã đặc cách giao phó công việc ấy cho Tổ trông

nom, tưởng không phải là công-đức nhỏ vậy. Đối với chúng đệ-tử tại-gia, Tồ cũng đề tâm săn-sóc đến. Tồ cho lập ra một ban tại-gia bồ-tát, thụ-giới bồ-tát cho các thiện-nam tín-nữ, rồi lại chỉ dẫn cho biết nghĩa lý Phật pháp, biết quy-cử thiên-gia, để giúp các Tăng-ny thực hiện mọi việc từ-bi cứu-tế. Kết quả rõ rệt, đã thành-lập một ban Tể-thí, mỗi vị Bồ-tát cúng một số tiền, làm việc sinh-lợi, khi nào có các sự thiên-tai thủy-họa, hỏa-hoạn thì bỏ tiền cứu giúp, ai nghèo khổ đau ốm không có thuốc thang thì cấp cho thuốc thang, chết giúp cho quan vãn, khiến cho chúng-sinh khổ não được hưởng công-đức của Phật một cách thực-tế như thế, thực là một phép phương-tiện rất quý hóa ở trong thiên-gia nước ta mới có Tồ là một vị làm được trước vậy.

IV. — Công việc hoằng pháp về hình-thức

Khi Tồ về trụ ở chùa Sở, bấy giờ chùa cũ đã hư hỏng, Tồ đứng lên khuyến các đàn-tín xuất tài xuất lực tu-tạo lại mới hết, cho đến chùa Bằng, tuy cơ-sở rộng lớn, nhưng làm đã lâu năm, Phật-điện tăng-đường, phần nhiều cũng đổ nát hầu hết. Năm mới rồi Tồ lại cố gắng hưng-công tu-tạo lại hết, hai nơi Bằng-Sở xưa kia ử dột, ngày nay phong quang, đều là công lao của Tồ cả.

V. — Sự nghiệp tinh-tiến lúc tuổi già.

Năm 1935, Hội Phật-giáo Bắc-kỳ được phép thành-lập, về việc hành-chính, Tồ nhận chức Kỳ-túc đạo-sư, để giúp hội mọi việc sáng lập giáo-hội trong lúc mới

mở mang muôn việc bề bộn. Ít lâu Hội được phép ra tờ Đuốc-Tuệ để làm cơ-quan truyền-bá Đạo Phật, Tổ lại phải gánh cái trách-nhiệm nặng nhất là chức chủ-bút để kiểm soát bài vở, lo việc tời tã hiền-chính. Năm 1936, tràng thiên học thành lập. Tổ đảm đang công việc đốc-giáo, trong khi mới mở mang, mọi sự đều thiếu thốn. Tổ đã bố thí pháp, không quản thân già sức yếu giảng kinh thuyết pháp suốt ngày, để lo đào-tạo lấy người kế tiếp lấy việc pháp; Tổ lại bố-thí cả tài, bốn món cúng dàng cho chư-tăng ăn học, thiếu thốn chỗ nào, Tổ đều lo cung cho đầy đủ, ngày đêm trù tính, một dạ tinh-thành, vừa dạy vừa nuôi, hết lòng đôn đốc, công-đức ấy ai là người biết nghĩ, cũng phải tạc dạ ghi lòng, không bao giờ dám quên vậy. Tiếp sau Hội mở thêm lớp tiểu-học, tràng ny-học, Tổ cũng săn sóc thành-tựu cho cả. Việc giáo dục đã nặng nề, việc tu-tạo hội-quán lại càng lớn lao. Gặp hồi thiên-hạ nhiều việc kinh-doanh, vật-liệu đắt đỏ, trong ba bốn năm trời, khi Tổ Trung còn tại-thế, thì Tổ đứng đầu ban hưng-công, để lo tiền giúp Tổ Trung, khi Tổ Trung tịch rồi, Tổ lại phải kiêm cả chức Chánh đốc-công, trông nom tất cả mọi việc. Nhờ ở cái uy-đức của Tổ lớn lao, khiến thập-phương tận-tâm tín-ngưỡng, lại nhờ ở chỗ Tổ tri-nhân thiện-nhậm, cắt đặt đầu đầy sứng đáng, nên nay Tổ tuy tịch rồi, mà ngôi Tam-bảo rất đồ-sộ trang-nghiêm đó cũng chỉ còn chờ đến ngày tốt là cử hành đại-lễ khánh-thành.

VI. — Tinh thần sớm ở nơi yên dưỡng.

Ngày 25 tháng hai năm Nhâm-ngọ, một ngày chiều xuân êm-ả, bốn phương quang đặng, gió nhân phoi phoi, mưa đức thấm nhuần, cây cỏ tốt tươi, chim muông hớn hỏ, cảnh trần gian hàng năm chỉ có lúc này là tốt đẹp. là dễ khiến cho người lưu-luyến nhất, thế mà đối với Tô thì tuy cảnh thế tưng bừng, lại cho là bụi trần vẫn đục, trong lúc thuyền tâm tịch-tĩnh, bỗng như nhớ lại cảnh xưa, xa trông Yên-tử xanh xanh, cảm dấu Giác-hoàng giải-thoát, thì lại nghĩ đến cái nguyện xưa kia, công việc độ-sinh đã hầu trọn vẹn, thì non xanh nước biếc, chốn cũ thanh cao, dạo gót qua chơi, rồi sẽ thẳng buồm Bát-nhã, về nơi yên-dưỡng. Có lẽ thế, nên tuổi Tô đã ngoài bảy mươi, việc đời gánh vác, cái thân tứ-đại đã theo lẽ giả-hợp mà suy tàn dần, như người phạm phu thì an phận nằm co, cho cái thân nhàn, còn làm gì có cái cao-búng đặng-lâm lăm thẳng nữa. Thế mà Tô thì khác hẳn, định ngày viễn-du, không hề nản bước, bảo cho các đệ-tử nội ngoại đều sắm sửa hành-trang, chỉ kỳ cùng quây gánh sách gậy, dán bước lên non. Qua Lâm-Động tới Hoa-yên, các đệ-tử thấy Tô yếu, đều xin nài Tô ở lại Hoa-yên, yên tĩnh cho đỡ mỏi, vì tuổi Tô đã cao mà lợi suốt trèo non, dòng đã mấy ngày, e không kham nổi. Song Tô dường như đã có định-kiến, ưng cho các đệ-tử cứ lên Vân-tiêu, còn mình lưu lại nghĩ. Thừa lúc vắng vẻ, không ai cản trở, Tô liền nhẹ bước bước lên, sầm sầm đè nẻo Ngọa-vân, mong

gặp Giác-hoàng sam vấn, vừa tới Chân-cảnh, thì hầu như hện xưa sức nhớ, cảnh cũ đón người, sắc thân tuy lưu cỗi Ta-bà, tinh-thần đã về nơi yên-duỡng. Đứng ngăn người ra, không nói không động, mấy đệ-tử theo sau tìm Tồ, thấy Tồ thế vội vục về Hoa-yên tìm kiếm thuốc men chạy chữa, và rước Tồ về chùa Sở điều dưỡng. Đối với Tồ, bốn phận làm đệ-tử, tấm lòng trần ai cũng một dạ như thế, nhưng có hay đâu công tu hành đã sạch nghiệp rồi, nơi Cực-lạc là quê muôn thừa, chẳng qua Tồ rủ lòng thương nên tạm lưu chút hơi thừa cho tứ-chúng được chút yên lòng trần báo đáp mà thôi. Đến hồi 3 giờ rưỡi sáng ngày 16 tháng ba thì Tồ viên-tịch. Hưởng thọ tuổi đời bảy mươi một, tuổi hạ gần năm mươi. Ôi tu hành như Tồ công nghiệp như Tồ, sinh có nơi lại, tử có chốn về, về phần Tồ còn có gì là đáng ân-hận nữa, nhưng đối với thế-gian, đang lúc sông mê gió bụi, bề khổ sóng cồn, đèn pháp lu lơ, chúng-sinh ngo ngáo, trông trời man mác, nhìn đất mịt mù, nay Tồ tịch đi rồi, biết trông ai chỉ lối đưa đường, thì không sao không đau lòng thống khổ, giọt ngân giọt dài được ? Thương thay !

BAN HỘ - NIỆM

GIẢNG NGHĨA KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

GIẢNG-GIẢ THÁI-HƯ PHÁP-SƯ

Dịch-ihuật : THIỀU - CHỦU

Vì sao trong mục Tam-tạng, bắt đầu tôi dịch bộ kinh Bát-đại-nhân-giác trước ? Cứ đọc mấy lời Phật nói đầu kinh : « Ai là đệ-tử Phật, ngày đêm thường phải dốc một lòng mà tụng tám điều giác-ngộ của Phật và Bồ-tát » thì đủ biết giá-trị bản kinh này như thế nào rồi, không phải đợi đến dịch-giả tán-dương bằng những câu sáo-ngữ của phàm - trần nữa. Song le, một bản kinh có ngót bốn trăm chữ mà bao-hàm hết cả những giáo-lý mẫu-nhiệm, những công quả lớn lao của chư Phật Bồ-tát, nếu không phải là người có trí-tuệ hơn đời, thì cứ theo văn tìm nghĩa, biết bao giờ thấy rõ được những chỗ mệnh-mạch trong kinh. Ngài Thái-Hư pháp-sư là một vị tu hành đại-ngộ trong đời này, nghĩa thông tam-tạng, trải khắp sáu châu, cho nên một bản kinh lơ thơ có mấy giòng chữ, xưa nay không mấy người mở thấy những châu báu ở trong hòm, nay ngài mở toang nắp hòm ra, khiến cho ta trông thấy cơ man nào là đồ châu-báu, sung sướng biết là chừng nào ! Tôi nhờ duyên may, mắt trông thấy thế, bất giác mừng quýnh mà loan báo cho các giáo-hữu, đẹp hay không, xin hãy để mắt xem cho.

Nam-mô Thường-tinh tiền bồ-tát ma-ha-tát

Dịch-giả bái chí

佛說八大人覺經

PHẬT NÓI KINH

BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Sa-môn An-thế-Cao dịch ở đời Hậu-Hán

Giảng nghĩa Kinh này đại khái chia làm bốn mục :

- I. Giải nghĩa tên Kinh.
- II. Kê cứu về lịch sử phiên dịch.
- III. Giải nghĩa Kinh văn.
- IV. Tiêu biểu các phần cương yếu.

I GIẢI NGHĨA TÊN KINH

Kinh này đặt tên có bảy chữ « Phật thuyết Bát đại nhân giác kinh » bao hàm hết cả đại ý trong Kinh, cho nên muốn hiểu nghĩa kinh, phải giảng rõ nghĩa bảy chữ ấy đã :

Chữ Phật 佛, nguyên là tiếng phạn, Tàu dịch ra nhiều tên như « Phật đà » 佛陀, « Phù đồ » 浮圖, « Phật đà » - 馱, nói cho đúng đều là chữ Phật mà mỗi người dịch một lối khác. Chữ Tàu lại gọi cái tháp là « Phù đồ » — , không hiểu rằng cái tháp nguyên tiếng phạn là «Tháp bà » 塔婆, chứ không phải là « phù đồ ». Song vì nước Tàu vẫn cho cái tháp là một vật đại-biểu cho Phật-giáo, cho nên mới gọi cái tháp là « phù đồ ». Ý nghĩa chữ Phật, có người dịch là « giác » 覺, bồ-đề cũng dịch là giác, nhưng thực ra thì bồ đề là nói về pháp, dịch là giác

thì đúng," còn Phật là nói về người, thì phải dịch là giác-giả 覺者 mới đúng, cũng như chữ Du-già 瑜伽, về phần pháp nghĩa là tương ứng với nhau, mà phần được nhận chỗ tương-ứng với nhau ấy lại gọi là Du-kỳ 瑜祇 tức là người xem xét thấy chỗ bành vi đúng với chân lý vậy. Phật-đà cũng là một người giác-ngộ, là một cái tổng-thể của hết thầy công đức vô lậu về thành, là con người có bồ-đề tâm giác-ngộ, cho nên gọi là « giác giả », cũng như thế gian ta thường gọi người có học vấn là « học giả », người có trí tuệ là Trí giả v.v. Nhưng Phật mà chỉ kêu là giác giả, cũng chưa được viên mãn, vì rằng giác mà chưa tới chỗ chính, vẫn chưa phải là Phật, cho nên phải kêu phật là Chính giác 正覺, lại vì phạm phu cũng có tính giác, chỉ vì cái tính giác ấy chưa thực là chính cả, thì tính giác ấy còn phải bàn luận suy xét, cho nên muốn phân biệt cho khác phạm phu, mới kêu Phật là chính-giác. Lại vì muốn phân biệt cho khác bậc A-la-hán bậc Bích-chi-Phật, nên lại kêu là « Biến chính giác » 徧正 —. Vì rằng A-la-hán với Bích chi tuy rằng đã hiểu cái « sinh » là không, mà vẫn chưa thấu tới chỗ « pháp » cũng không và cái « trung đạo không mà không phải là không ». Lại còn phân biệt cho khác với các bồ tát, nên lại kêu là « Vô thượng biến chính giác » 無上徧正覺. Vì rằng các đại bồ tát tuy cũng đã tới bậc biến-chính-giác, nhưng còn chưa được hoàn toàn viên mãn, chỉ có Phật mới là biến chính

mà tới chỗ viên mãn cùng tột vậy. Vô-thượng
biến-chính-giác tức là được tới bậc A lốc đa la tam
riều tam bồ đề, tiếng này là tiếng phạm, A lốc đa
la là vô thượng (tột phẩm) tam triều tam bồ đề,
là biến chính-giác (biết hết mọi lẽ mà biết đúng
cả).

Thứ giảng đến chữ đại-nhân. Nhân là người,
là một giống chúng sinh có tình ở trong thế
giới, cho nên gọi là nhân-loại (loài người).
Loài người, không những chỉ trên quả đất
này mới có, nhưng kể phần người ta có thể
biết được, thì chỉ biết có một loài người ở
trên quả đất mà thôi. Chúng sinh nghĩa là
bởi mọi pháp ngũ-uẩn hợp lại mà sinh ra,
nhưng vì khác hẳn với khí-thể-giới vô-tình,
cho nên mới gọi là hữu-tình. Chúng sinh thì
không giống nào là không có cái lòng tình-
ái, nếu không có lòng tình-ái, thì không thành
chúng sinh được.

Cái lòng tình ái của chúng sinh, nó nương
theo phần thức thứ tám A-lại-gia-thức làm căn
bản, vì rằng có một phần A-lại-gia-thức, tức
là một chúng sinh có tình vậy. Giống có tình
có thể phân biệt ra nhiều giai cấp, nương
theo phép Phật thì thường thường chia ra
mười giống có tình, tức là bốn bậc thánh và
sáu hạng phàm, có chỗ lại chia ra chín giống
có tình, hoặc chia ra hai mươi năm giống
có tình, Du-già sư-địa-luận lại chia ra làm
ba mươi sáu giống có tình, mà bề trong đều

bao quát loài người cả. Sách Ti-ba-sa - luận nói rõ cái tính đặc biệt và công dụng của người có ba pháp khác các giống có tính khác :
1. Người có thông minh, tư tưởng lường xét,
2. Hay phấn khởi dũng mãnh làm việc. 3. Có lòng nhân nại. Vì thế nên loài người mới hơn hẳn các giống có tính. Cho nên tu cho hiện thân thành Phật đều ở trong ngã người cả, mà đến các bồ tát cũng đều sinh vào trong ngã người mà tu hành cái đạo bồ-tát cả. Chữ đại-nhân trong kinh này, tuy rằng chỉ về loài người, nhưng thiết ra thì cũng không phải là chuyên chỉ về loài người, vì rằng tới trong hết thấy các giống có tính, thì lấy người làm đại-biểu mà nói đó thôi. Chỗ này kêu chư Phật bồ-tát là đại nhân, mà bồ tát cũng kêu là « giác hữu tính » nữa.

Chữ đại lại có ba ý nghĩa : Theo về hình tượng không gian mà nói phần to lớn, như dài ngắn, rộng hẹp, dày, mỏng v. v. . . . 2. Theo số mục nhiều ít mà nói phần to lớn, như nhiều người gọi là đại-chúng ; lớn tuổi thì gọi là đại-niên v. v. . . . 3. Theo đức-hạnh, ngôi-thứ lực lượng mà nói phần to lớn, như đại đức đại-lực v.v.... Chữ đại ở đây, không phải là chỉ vào hai phần trên mà chính là chỉ về phần sau cùng. Vì rằng Phật và bồ tát ở trong loài người hay trong giống có tính, phúc-dec, trí-tuệ, địa-vị năng lực, đều hơn hết cả, nên gọi là đại. Lại thêm Phật và bồ-tát siêu việt ra ngoài ba cõi

nhân, thiên, đầy đủ sức nguyện đại-bi, đi khắp mười phương thế giới mà cứu độ chúng-sinh, đạo-đức, trí-tuệ, nguyện-lực đều hơn cả, cho nên kêu là đại. Trong kinh kêu là đại-nhân tức là chỉ vào chư Phật và bồ-tát. Xem ngay đoạn kinh dưới nói rằng: « 知此八事乃是諸佛菩薩大人之所覺悟. » « Làm việc như thế, là của chư Phật bồ tát đại-nhân đã giác ngộ rồi » thì sẽ biết là đúng thế vậy.

Thứ nữa giảng đến chữ « giác ». Giác tức là bồ-đề. Ngày xưa tuy dịch là đạo, nhưng lại chùng với tiếng đạo-lộ (đường sá) nguyên tiếng Phạn là mạt-già. « Giác » ở trong hết thầy pháp, thuộc về pháp-tâm và tâm-sở, tức là phần tuệ tâm-sở 慧心所 ở trong năm mươi một tâm-pháp vậy. Song chữ Tuệ ở đây, khác với chữ Tuệ thường dùng. Chữ Tuệ thường dùng là cai cả ba tính thiện, ác và vô-ký, chữ Tuệ chỗ này, đối trong ba tính thiện, ác và vô-ký, thuộc về tính thiện. Thiện lại còn có hữu-lậu (chưa hoàn toàn) và vô-lậu (hoàn toàn viên-mãn) chữ tuệ ở đây, thuộc về tính thiện vô-lậu. Các giống hữu-tính, từ lúc vô thủy tới nay, đều có sẵn cái hạt giống vô lậu trí-tuệ, tức là bản-giác. Nhưng vì cái màn vô-minh từ lúc vô-thủy nó che lấp, cho nên phải nương vào phần thiện tuệ hữu-lậu, nghe lời thánh giáo hun đúc mãi, rồi mới nảy ra cái trí-tuệ vô-lậu được. Như người ta nghe kinh mà giác ngộ được, tức là phần trí-tuệ hữu-lậu của cái tính thủy-giác, nương

đó tu hành, dần dần tới chỗ tri - tuệ vô-lậu mà được tới chỗ cứu cánh viên mãn tức là phần cứu - cánh - giác. Cái tri - tuệ vô-lậu ấy, cùng hết thấy thiện-tâm và tâm-sở cùng cảm-ứng với nhau, tức là cái tâm và những cái thuộc về tâm đều là thiện cả. Như người ta khởi cái tâm vô-lậu - tuệ, cùng với tâm-vương tâm-sở hoàn toàn thiện kia cùng ứng với nhau. Giác tức là cái phần vô-lậu tri - tuệ nó cùng cảm-ứng với cái tâm và các cái thuộc về tâm hoàn toàn là thiện. Giác đã cùng với cái tâm và các cái thuộc về tâm hoàn toàn thiện kia cùng hưởng ứng mà khởi lên, cho nên những phép thiện của hết thấy thế gian và ngoài thế gian, đều là cái pháp bởi « giác » nó đều khởi lên, cho nên « giác » hay thu nhiếp được hết thấy phép thiện của thế gian và xuất thế gian. Cái phần giác ấy, kể đến cái quả rốt ráo viên mãn, tức là tứ tri bồ-đề. Bởi vì đã chuyển phần thức thứ tám làm đại-viên kinh-tri ; chuyển thức thứ bảy làm bình đẳng tính tri ; chuyển thức thứ sáu làm riệu - quan sát tri ; chuyển năm phần thức trước (mắt, tai, miệng, mũi, thân) làm thành sở tác-tri. Bốn phần tri ấy tức là giác, tức là bồ-đề vậy. Song lẽ, cái phần giác pháp-thiện của khắp thế gian cùng xuất thế gian kia nó lấy cái gì làm bản-thể ? Thừa rằng : lấy chân - như làm bản thể. Nói về quả Phật, tức là thanh tịnh pháp - giới, cũng có thể gọi là pháp giới thể-tính - tri. Mật tông gia thêm một phần pháp - giới thể-tính-tri

là ngũ trí, tức là vi lễ đó. Cái phần giác ấy lấy cái trí tuệ vô lậu-thiên làm tự-tính, rồi nảy ra các thiện-tính tức là thủy - giác, rồi làm viên mãn hết thấy thiện pháp, tức là cứu-cánh. Vì thế cho nên những pháp phiền-não tạp-nhiễm, nghiệp-tạp-nhiễm, sinh-tạp - nhiễm của chúng sinh trong ba cõi mà chuyển biến ra thanh tịnh được, tức là nhờ cái tính giác ấy. Chặt đứt hết thấy vô minh phiền não mà chuyển thành bồ-đề thanh tịnh; rũ không hết thấy cái nghiệp hữu-lậu mà chuyển thành giải thoát thanh tịnh; bỏ hẳn được hai thứ sinh tử mà chuyển thành pháp thân thanh tịnh, đều là sự tác dụng của tính giác cả. Vì thế nên người ta chuyển phiền-não thành bồ-đề cốt nhờ tính giác, chuyển nghiệp thành giải thoát cốt nhờ tính giác, chuyển sinh-tử thành pháp-thân cũng nhờ tính giác. Nói tóm lại tính giác lấy vô - lậu-tuệ làm tự-tính, những cái thuộc về thiện-tâm là chỗ tương ứng, lấy hết thấy các pháp thế-gian và xuất-thế-gian làm chỗ cùng lên đều, lấy tứ-trí bồ-đề làm quả, lấy chân-như thanh tịnh pháp-giới làm pháp-thể, chuyển những cái tạp-nhiễm thành thanh tịnh làm công dụng, ấy là cái ý nghĩa chữ giác vậy.

Thứ lại giảng nghĩa chữ « Kinh ». Chữ kinh, nguyên tiếng phạn là Tu-đa la, là Tổ-đất lăm, là Tu-đổ-lộ v.v... đều là bởi dịch âm khác nhau cả, chính nghĩa là sợi chỉ, vì sợi chỉ nó xâu suốt hết thấy, cho nên cái pháp xâu suốt được

hết ý nghĩa của lời Phật nói ra, cũng gọi là sợi. Thứ nữa, nhan đề là Kinh, là cốt ý cho phân biệt với phần luật ở trong tam - tạng, nên mới gọi là kinh, không phải chỉ lấy một bộ Tu-đa-la trong mười hai bộ là kinh đầu. Nghĩa chữ kinh của Trung-quốc là nhất kinh nhất vĩ (một sợi ngang một sợi giọc) nói dụ như lời thánh nhân nói có thể làm phép thường cho thiên hạ muôn đời, cho nên gọi là kinh, kinh tạng của Phật cũng đúng với nghĩa ấy, cho nên dịch ngay là kinh vậy. Nói rõ hẳn thì lại gọi là khế-kinh 契經. Khế là đúng hợp, những phép Phật nói, đã đúng chân lý, lại hợp với cơ - nghi của chúng-sinh, cho nên gọi là khế-kinh. Ấy là ý nghĩa chữ kinh vậy.

Kinh này là kinh của Phật nói ra, cho nên gọi là Phật thuyết, vì muốn phân biệt cho khác hẳn những lời của hết thầy phàm phu, thanh-văn, bồ-tát cho nên kêu là Phật nói. Những pháp Phật nói, là những chân lý bởi Phật-tri đã chứng minh, y theo sức nguyện đại-bi, muốn tế-độ cho chúng - sinh mà ứng - cơ chỉ bảo, cho nên kêu là thuyết.

Chữ Phật là nói gồm cả hết thầy chư Phật, duy chữ Phật ở đây, thì lại chỉ riêng về đức bản sư Thích-ca Mâu-ny Phật. Phàm các đầu kinh, chỉ chép rằng Phật thuyết, mà không nói rõ là vị Phật nào thuyết, đều là kinh của đức Phật Thích-ca Mâu-ny nói ra cả. Song lẽ, đã

là Phật thì Phật nào cũng cùng một đạo, nên gọi là Phật Thích - ca nói, cũng như hết thầy chư Phật nói vậy.

Bát đại nhân giác, tức là tám điều của những bậc đại-nhân như Phật và Bồ-tát đã giác-ngộ; Phật thuyết Bát-đại nhân -giác kinh, tức là bản kinh Phật nói tám điều của bậc đại -nhân đã giác ngộ vậy.

II KÊ CỨU VỀ LỊCH-SỬ PHIÊN DỊCH

Kinh Phật bên Tàu, đều do phiên - dịch ra cả. Phật sinh ở bên nước Ấn-độ, những pháp ngài nói ra, đều dùng tiếng Phạn cả, có dịch ra mới có thể hiểu rõ được. Nhưng kinh Phật cũng thường có thứ giả mạo, cho nên phải khảo sát lịch-sử phiên - dịch, mới rõ thực giả. Kinh này do ông An - thế-Cao ở đời Hậu-Hàn dịch. Hậu - hán, tức là đời Đông-hán. Ông An-thế-Cao sang Tàu vào hồi vua Hoàn - đế nhà Đông-hán. An - tức là tên một nước đời xưa, tức là một dải đất nước Ba-tư, gần phía tây bắc nước Ấn-độ, lại gần với xứ Tân-cương nước Tàu. Ở đời ông An - thế - Cao thì nước Ba-tư là một nơi Phật giáo thịnh hành. Sở dĩ đặt tên là An-tức, là vì ông An-tức-Khắc là người mới khai sáng ra nước ấy, nên người bấy giờ mới lấy tên người mà đặt tên nước vậy. Sa-môn là một tiếng thông dụng của người xuất - gia, có ý nghĩa là chăm chỉ tinh tiến. Kinh này là do vị Sa - môn tên gọi An-thế-

Cao dịch hồi đời Đông - Hán, cho nên ghi là Hậu-hán sa-môn An-thê - Cao dịch.

Ông An - thê-Cao nguyên là con vua nước An-túc, nhường ngôi cho chú mà xuất - gia, An là họ, nguyên tên là Thanh, Thê - cao là một tên hiệu riêng, dịch nghĩa là chuyển di biến đổi. Do văn Phạn chuyển biến ra văn Hán, cho nên gọi là dịch. Ông An-thê-Cao là một bậc thứ nhất trong lịch - sử mới dịch kinh Phật. Những kinh điển của ông đã dịch, có hai mươi chín bộ, 176 quyển. Cứ xét trong kinh sách, thì lời văn kinh này đích là lời Phật nói, nhưng vì ông An-thê-Cao lọc lấy những lời tinh-thần cốt yếu trong kinh mà soạn thành kinh, cho nên cũng có thể gọi là Phật - thuyết! Bát-đại nhân-giac kinh - lục (chép tám điều đại nhân giac ngộ của Phật đã nói lại thành kinh).

III GIẢI NGHĨA KINH VĂN

Theo như phép dịch kinh phổ thông, thường chia làm ba đoạn, nay cũng theo thế.

1. LỜI MỞ ĐẦU

**Vi Phật đệ-tử, Thường ư chú gia,
Chí tâm tụng niệm, Bát đại nhân giác.**

« Ai đã là đệ tử Phật, ngày đêm thường phải rốc một lòng mà tụng niệm tám điều giác ngộ của Phật và bồ-tát này ».

Người ta đã không vào hàng đệ-tử Phật thì thôi, nếu đã vào hàng đệ - tử Phật, phải nên y vào

kinh Bát đại-nhân giác này mà ngày ba rạo, đêm ba rạo, lấy tấm lòng chí-thành mà tụng đọc nghĩ ngợi bản kinh này. Đệ-tử nghĩa là Phật giác ngộ trước, ta giác ngộ sau, đối với Phật ta là đàn em. Lại bởi ở miệng Phật sinh ra, ở pháp Phật hóa sinh ra, cho nên gọi là con, nói gộp lại tức là con em (đệ tử). Đệ tử lại chia ra bốn hạng bảy hạng khác nhau. Bốn hạng (tứ chúng) là hai hạng xuất gia, tử-khưu (sư tăng) và tử-khưu ny (sư ny), và hai hạng tại-gia, là Ưu-bà-tắc (sãi) và Ưu-bà-di (vãi). Bảy hạng là: 1 Tử-khưu, 2 Tử-khưu-ny, 3 Thức - xoa - ma-na (1), 4 Sa - di (tiểu nam), 5 Sa-di - ny (tiểu nữ) 6 Ưu-bà - tắc, 7 Ưu - bà-di. Nói cho đúng thì bất cứ là ai, hễ đã thụ lễ tam - quy rồi, đều là đệ - tử Phật cả. Chí thành là tấm lòng chí thành khẩn khít, không phải tấm lòng rồi rả khinh nhờn, cứ theo thế tu hành, sẽ được giác ngộ như Phật và Bồ-tát, mà lại cũng thành quả Phật nữa. Theo thế mà tu, là đệ - tử Phật, trái lại không phải là đệ-tử Phật, ấy là cái ý cốt yếu ở trong bản kinh này vậy.

2 CHÍNH NGHĨA

**Đệ nhất giác ngộ, thế gian vô thường,
quốc độ nguy thúy, tứ đại khổ không,**

(1) Thức xoa ma na. Tàu dịch là Chính học nữ. Nghĩa là con gái đi tu, thụ giới sa di rồi, còn phải tu hành sáu phép riêng trong một kỳ hai năm, xem có mang hay không, và có kiên-tâm nhất chí không, rồi mới cho thụ cụ-túc-giới.

ngũ ấm vô ngã, sinh diệt biến dị,
hư nguy vô chủ, tâm thị ác nguyên,
hình vi tội tâu, như thị quan sát,
 tiệm li sinh tử.

« Điều giác ngộ thứ nhất biết rằng thế gian này vô thường, đất nước cũng nguy ngập non nớt, tâm là nguồn ác, hình là rừng tội, quan sát như thế, sẽ dần dần thoát khỏi cầu sinh-tử ».

Đoạn này là đoạn chính nghĩa thứ hai, cũng chia làm ba đoạn nữa : A. làm sự lợi cho mình; B. làm lợi cả mình cả người; C. chỉ làm lợi cho người. Phàm phương pháp nào ba thừa cùng dùng để giải thoát cái quả khổ sống chết, đều là sự làm lợi cho mình nghĩa là giải thoát được cái khổ sống chết trong tam giới mà không nghĩ sang làm bấy nữa vậy.

A. LÀM LỢI MÌNH

Làm được những sự Tam-thừa cùng tu được chứng tới quả giải thoát là « làm lợi mình ». Trong sự làm lợi mình lại chia làm hai phần. 1. Chính tu phép tứ niệm trụ ; 2. Quán tổ nhân duyên Ái và Thủ.

1 Chính tu phép tứ niệm trụ

Tứ niệm trụ 四念住, lại gọi là tứ niệm xứ quán 四念處觀 tức là bốn phép quán, bởi tu phép quán ấy mà được trí-tuệ. Niệm là cái chỗ khởi điểm cho người ta tu hành. Vì rằng do niệm mới thành định, do định mới thành tuệ,

mà chúng được chân-lý để mà đối trị bốn cái điên đảo của kẻ phàm phu. Tứ - niệm xứ-quán là : 1. Vô - thường quán, nghĩa là quán tỏ hết thấy mọi pháp đều là vô-thường ; 2. Khổ quán, nghĩa là quán tỏ hết thấy mọi pháp đều là khổ cả ; 3. Vô - ngã quán, nghĩa là quán tỏ mọi pháp đều không có ta cả ; 4. Bất-tịnh-quán, nghĩa là quán tỏ những phép hữu-lậu đều không sạch cả. Bởi bốn thứ ấy, nó là cái nhân làm cho chúng sinh mê hoặc điên đảo, cho nên phải tu bốn phép quán này để đối trị nó đi. Phép tứ - niệm quán này là chỗ giác ngộ căn bản thứ nhất cho các đệ-tử Phật, mà cũng là một cái pháp-môn cho những người tu các thiện pháp trong cõi nhân cõi thiên cũng sẽ tuần-tự mà được giải-thoát vậy.

Điều giác ngộ thứ nhất trong kinh này tức là vô-thường quán. Trong phép quán ấy lại có thể chia ra làm hai : 1) Vô-thường quán (quán tỏ muôn sự đều không có thường) ; 2) cái quả của phép Vô-thường quán. Hết thấy cái gì cũng đổi dả hư vô, biến đổi tan nát, ấy là thế pháp, đọa đầy ở trong vòng thế pháp, ấy là Thế-gian. Thế gian, tức là cõi chúng sinh có tình, và cō¹ vô tình. Chúng-sinh có tình chia ra bốn loài (四生) và sáu ngã (六道) đều thuộc về thế-gian có tình, đều đọa lạc vào trong vòng Thế-pháp. Cái cõi đời để cho chúng sinh có tình nương ở, gọi là Khi-thế-gian. Khi - thế-gian là cái chỗ báo - thân của chúng sinh nương ở, chia ra làm ba hạng « dưới nước, trên cạn, trong

không», xuy ra ngoài địa cầu này, còn có bao nhiêu cõi đời để cho chúng sinh nường ở đều gọi là Khí-thể - giới cả. Cái thể gian ấy đều không có thường cả, cho nên bảo là « Thể gian vô thường, quốc độ nguy thúy ». Vô thường nghĩa là biến đổi luôn, không được bền chắc mãi. Thế giới kia không những biến đổi luôn, lại còn tan nát nữa. Chúng sinh có tình, đất nước vô tình, cũng đều thể cả. Người đời thường nói trời đất lâu dài, không hiểu rằng trời cũng có thành, trụ (đứng) hoại (nát) không. Nói cho đúng thì trời đất cũng là vô thường, cũng có tan nát. Nhưng sự vô thường ấy, còn là quan-sat về phần thô thiển, chứ xem sát đến chỗ vi-tế thì trong khoảng búng móng tay, nháy con mắt, trong vòng giây phút, cũng đều là vô thường cả, đó tức là sự vô thường sinh diệt trong giây lát. Có cái hình tượng sinh diệt trong giây lát ấy, mới có cái hình tượng tan nát cùng liên tiếp nhau trong một kỳ, nếu không có cái hình tượng sinh diệt trong giây lát ấy, thì cũng không có cái hình tượng tan nát cùng liên tiếp nhau trong một kỳ. Ví như người ta mới may áo mới, trong một thời kỳ bao lâu đấy, tất cũng rách nát, nhưng thực ra thì cái áo rách nát kia không phải rằng đến lúc nó rách nó mới rách đâu, đã từ khi chưa may xong, từ lúc mới khoác lên mình cũng đã giây lát giây lát, dần dần cũ rách, cho đến nát hết mới thôi. Tới một sự đó mà nói,

đã rõ sự vô-thường như thế, thì suy ra muôn pháp trong thế-gian, cũng đều thế cả. Nếu nói đến chỗ cùng tột, thì hết thấy các pháp hữu-vi ở trong thế gian, chính bản tính nó cũng đã là vô-thường rồi. Chúng-sinh mê man, không hiểu cái ý ấy, nhận ngay trong vòng trong một kỳ sinh-diệt kia, chấp là có thường, cho nên mới có bao sự mê man, điên-dảo, sinh ra các tình tham chước, bởi lòng tham nổi lên lòng sân, bởi mê hoặc gây nên nghiệp giữ, phải chịu luân hồi khổ sở, thực là đáng thương lắm. Nếu biết rõ rằng hết thấy đều vô thường, không sinh lòng si, không sinh lòng tham, không sinh lòng sân, thì không có sinh ra những cái nghiệp khổ hữu-lậu mà được giải-thoát tất cả ngay. Nguy nghĩa là nguy hiểm; Thúi là cái ý không bền chắc lại dễ tan-nat. Sở dĩ bảo rằng « Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúi », là vì đất nước thế-gian, còn là không thường, thời những loài nường ở trong đất nước thế gian kia, ai cũng có thể biết là vô thường hẳn rồi. Thế gian cũng có người cho rằng đời người ta tuy vô thường, mà đất nước thế-gian vẫn có thường, nay ta lập nên một sự nghiệp hiển hach, để lại một cái dấu vết rực rỡ ở trên đất nước thế-gian. Ngõ hầu cũng khả dĩ để tiếng thơm mãi không thể nat được. Nếu hiểu rõ rằng đất nước thế gian cũng còn là cảnh vô thường,, thì cái chỗ ta cho là để tiếng thơm mãi không nat được kia,

có phải là không nat được thực đầu ? Tu phép quán ấy gọi là phép vô-thường-quán, phép vô-thường-quán có thể diệt hết vọng tưởng, diệt hết tham, sân và si. Thứ hai là Khổ-quán. Tứ đại đều là không, cái nghiệp y-báo và chính-báo, của chúng sinh trong ba cõi đều là khổ cả. Nếu nói đến chỗ thân thiết, thì chúng sinh có sự khổ đều là vì cái thân. Ông Lão - tử nói : « Cái lo lớn của người ta là vì ta có cái thân », cũng cùng một ý ấy. Cái thân là bởi tứ đại hợp thành, là chỗ mọi sự khổ hợp vào. Tứ đại là đất, nước, gió và lửa. Đất là chất đặc, nước là chất chảy, lửa là sức nóng, gió là sức động. Muôn vật trong thế gian, đều bởi hai chất và hai sức ấy, ly hợp co ruỗi, truyền di biến hóa, sinh sinh hóa hóa, lưu chuyển vô cùng. Vì cái nghiệp riêng của chúng sinh, nương vào chất sức ấy (tức tứ đại) mà có phần chính-báo, tức là có cái sắc thân vậy ; vì cái nghiệp chung của chúng sinh, nương chất sức ấy mà có phần y - báo, tức là khi-thể-giới vậy. Tứ đại đó (chất sức) thường ở trong vòng mọc mac xung đột, đóng mở biến hóa, cho nên chúng sinh mới có cái khổ sinh, già, ốm chết. Biết thân là khổ, thì không bị cái thân nó giam hãm, không giữ dật là có cái thân mà gây nên các sự khổ não. Tu theo phép quán ấy, ấy là phép khổ-quán 苦觀. Thứ ba là vô-ngã-quán 無我觀, tức là ba câu kinh nói « ngũ âm vô ngã, sinh diệt biến dị, hư nguy vô chủ » đó.

Ngũ ấm lại có tên là ngũ-chúng 五眾, lại có tên là ngũ-uẩn 五蘊, tức là năm món sắc-uẩn, thụ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn và thức-uẩn. Uẩn nghĩa là góp nhặt lại, tích tụ lại, ấm nghĩa là che phủ, nghĩa là tích tụ góp lại thành ra thân tâm, che mất cả chân-linh vậy, phàm những vật chất có hình bởi ngũ căn và lục-trần hiện-tượng ra gọi là sắc uẩn. Thụ là lĩnh-nạp lấy, lĩnh-nạp lấy những sự sừng khở là Thụ-uẩn, hay tư-tưởng là tưởng-uẩn. Hành là hành-uẩn, nghĩa là làm lụng thay đổi đi. Thức là phân biệt rành rọt, như mắt phân biệt được các sắc, tai phân biệt được các tiếng, mũi phân biệt được các mùi v. v. ấy là Thức - uẩn. Trong ngũ-uẩn thì sắc-uẩn thuộc về sắc pháp 色法, còn bốn phần là tâm-pháp 心法. Xét rõ chúng sinh, không ra ngoài ngũ-uẩn mà ngoài ngũ-uẩn ra cũng không có chúng sinh với ta đâu cả. Như chỉ thân-thể là ta, thân là sắc-uẩn, là bởi bốn phần lớn đất, nước, gió, lửa nó hợp thành, vậy thì trong bốn phần lớn ấy, chỗ nào là của ta thực. Nếu cả bốn phần lớn đều là ta, thế là lại có bốn ta rồi, ta làm gì có đến bốn ta được, thế cho nên biết rằng sắc-pháp không phải là ta. Hoặc có người tới chỗ hay trông thấy, nghe thấy, ngửi thấy, nếm biết, chạm biết mà nhận là có ta, không hiểu rằng phần trông thấy là ta, thì phần nghe thấy không phải là ta ; cho phần nghe thấy là ta, thì phần trông thấy, ngửi thấy nếm biết, chạm biết, lại không phải là ta cả

rồi. Vì rằng ta chỉ có một, không có lẽ nào đã có một ta trông thấy, lại còn có một ta nghe thấy, ngửi thấy, nếm biết, chạm biết nữa ? vì thế nên tới trong chỗ trông thấy, nghe, ngửi, nếm, biết, cũng không thể tìm thấy chỗ nào là ta thực. Có người lại nói rằng thân-thể không phải là ta thực, thì tinh-thần sẽ là ta thực ; vì rằng tinh thần là chúa-tể cả thân-thể. Song, cái hình trạng tinh thần nó thế nào, thì người ta lại không bằng cứ vào đâu mà chứng minh được. Có người lại cho rằng sắc-uẩn lại không phải là ta, thì thụ-uẩn sẽ là ta ; vì thụ-uẩn nó chịu nhận được hết mọi sự sướng khổ, lo mừng, trong sự cảm-giac của ta, nó là phần thân-thiết hơn cả. Không biết rằng « thụ » đã vì các phần sướng khổ lo mừng góp lại mới có, thì cũng không phải là ta thực rồi. Có người lại cho thụ-uẩn đã không phải là ta thực, thì cái chỗ hay tư-tưởng kia là ta thực. Song tư-tưởng tức là tưởng-uẩn, trong tưởng-uẩn cũng không có ta. Có người lại cho rằng tưởng-uẩn không phải là ta, thì hành-uẩn sẽ là ta thực, không biết rằng « hành » là y theo cái lòng thiện lòng ác mà gây nên cái nghiệp, cũng không phải là ta thực. Có người cho rằng thể thì thức-uẩn chắc là ta thực, vì thức-uẩn nó biết được bốn cái sắc, thụ, hành, tưởng là không phải ta thực, thì nó chính là ta thực rồi. Không biết rằng « thức » là do nhiều môn tri-thức nó gom góp lại, trong đó cũng không

có cái gì là ta thực. Vì thế cho nên biết rằng ngũ-uẩn đều không có ta thực cả. Vì rằng mọi phép ngũ-uẩn cùng hòa hợp nhau cùng liên nối nhau mà thành ra cái tướng một kỳ liên nối kia, tức là chúng sinh, là thế-giới. Ở trong vòng sinh diệt biến đổi ấy, đều là cảnh giả giới vô chủ cả, không có cái gì là còn thiệt. Hết thấy chư pháp, không ngoài ngũ uẩn, mà ngũ-uẩn cũng không phải là có thực, thế là phép tu vô-ngã-quán. Thứ tư là Bất-tịnh-quán 不淨觀, nghĩa là quan sát chúng-sinh, thân mình thân người, đều là vật nhơ bẩn ; Chúng-sinh không biết là bẩn, cho nên mới say đắm nhiều thứ. Nay tu theo phép bất-tịnh-quán này, tức là đối trị cái bệnh điên đảo mê hoặc của chúng-sinh đó. Lúc tu phép quán này, nên biết tâm là nguồn ác, hình là rừng tội, tâm tức là cái vô-minh từ lúc vô thủy trở lại, là cái căn-bản làm cho chúng sinh ngu si điên đảo, tham sân si hoại, bởi thế mà gây nên biết bao nghiệp xấu rớt lại, cho nên biết nó là cái nguồn ác vậy.-Sao lại bảo cái thân của chúng-sinh là cái gây nên các thứ tội nghiệp ? Ta cứ nghĩ lại, xưa nay ta gây nên biết bao nhiêu tội, đều là vì duy-trì lấy cái tính mệnh mình mà làm tan-hại biết bao nhiêu tính-mạng các loài động vật khác, chỉ vì tìm sự sung-sướng của cá-nhân, mà vợ vét biết bao nhiêu là tài sản, thì đủ biết cái thân này chính là cái căn-bản gây nên tội nghiệp, thực là một vật rất nhơ bẩn vậy. Lúc quán như thế, thì không phải theo

thân tâm mà sinh ra tham ái, không theo thân tâm mà gây cái nghiệp dữ, nhờ đó mà xám-hối tu trì, đoạn trừ được hết thấy phiền não, thế là phép tu bất-tịnh-quán.

Bốn phép quán kể trên, là phép tu tứ-niệm trụ quán. Tu theo phép quán ấy thì sẽ đoạn trừ được hết sự điên đảo mê hoặc, tùy thuận pháp tính, ấy là sự kết quả của công tu quán.

2.) QUÁN RIÊNG HAI CHI « ÁI » VÀ « THỦ »

Đệ nhị giác tri, đa dục vi khổ,
sinh tử bì lao, tòng tham dục khởi,
thiếu dục vô vi, thân tâm tự tại.

« Điều giác ngộ thứ hai, biết rằng ham muốn nhiều là khổ, sống chết nhọc nhằn, đều bởi tham dục cả. Ít muốn không làm gì, thân tâm được ung dung tự tại ».

Cứ xét trong 12 nhân-duyên, thì điều giác thứ hai thứ ba, là quán riêng hai chi **ái** và **thủ**. Nay dể tách ra làm hai đoạn. 1. Biết sự tham ái là khổ, ấy là điều giác thứ hai ; 2 : Tìm tòi thêm tội, tức là điều giác thứ ba.

BIẾT SỰ THAM ÁI LÀ KHỔ

Chữ dục 欲 trong đoạn kinh này là gồm cả ba tính thiện, ác và vô-kì, cái lòng dục cùng với lòng tham cùng cảm ứng với nhau, cho nên gọi là đa dục, tức là cái lòng tham-ái tham-dục vậy. Cái lòng tham dục ấy nó gây thành cái quả khổ

trong Tam-giới. Kinh Pháp-hoa nói : « Chúng-sinh bị đầy đọa trong tam-giới, căn nguyên bởi sự tham dục mà ra », tức là chỉ vào cái lòng tham-dục này vậy. Cái lòng tham-dục này, ở trong ba tính, thuộc về nhiễm tính (tính dầy nhờn) nó là cái căn bản sinh tử của người ta. Song, xét tới chỗ nguồn gốc tham-dục, thì lại bởi vô-minh mà ra. Trong kinh nói rằng : « Vô-minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục-nhập, lục-nhập duyên xúc, xúc duyên thụ, thụ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử ». Sóng với trong 12 chi này thì cái lòng tham dục tức là chi Ái. Người đời không biết trong tam-giới là khổ, cho nên mới sinh lòng tham-ái, cùng với sự tham-ái cùng hưởng ứng nhau mà thành ra đa-dục, làm tư-nhuận thêm cái mầm sinh-tử trong tam-giới mà chịu lấy quả khổ, nếu muốn thoát cái cầu sinh-tử trong tam-giới và cái quả khổ ấy, thì không gì bằng ngăn cấm cái lòng tham-dục. Bắt đầu giảm bớt lòng dục, bớt mãi bớt mãi, cho đến chốn vô-dục vô-vi, thì thân tâm ung dung tự tại ngay. Đến lúc đã tới chốn thân tâm tự tại, thì không bao giờ phải chịu cái quả khổ sinh-tử luân-hồi nữa.

Đệ tam giác chi,	Tâm vô yểm túc.
duy đặc đa cầu,	tăng trưởng tội ác.
bồ tát bất nhĩ,	thường niệm tri túc
an bản thủ đạo,	duy tuệ thị nghiệp.

« Điều giác thứ ba, biết cái tâm người ta không biết thế nào là đủ, chỉ tham cầu nhiều, thêm dầy tội ác. Bồ-tat không thế, thường tự cho mình là đầy đủ, nghèo không lo chi, chỉ chăm tu tri-tuệ »

Điều giác thứ ba là biết cái hại tim tội thêm tội. Tim tội tức là tăng tiến thêm lòng tham-dục. Sóng với 12 nhân-duyên, tức là chi thủ 取. Thủ là lấy giữ. Chúng-sinh ôm một tấm lòng tham ái, cho nên mới làm nên biết bao những sự tim tội lấy giữ. Những vật ngoài thân, càng lấy càng nhiều, sa si dâm dăng, không biết thế nào là chán, làm bao nhiêu nghiệp, tăng thêm tội ác. Nay muốn liễu sinh-tử, thì không gì bằng tu phép tứ-niệm xứ - quán, giảm bớt tấm lòng tham-ái và sự hành vi tham cầu lấy giữ đi, đối với những cảnh bởi người làm ra không hề tham-ái, lại còn coi là khổ, xuy nghĩ như thế, quan sát như thế, tu hành như thế, tức là một cái đạo hay giải thoát sinh-tử của chư Phật và bồ-tat vậy. « Bồ-tat bất nhĩ », nghĩa là bồ-tat không có tham ái như phàm phu ; « Thường niệm tri túc, an bản thủ đạo », nghĩa là thường tự cho mình như thế là đầy đủ rồi, thanh bản đạm bạc, tự lấy làm thú, không có ham muốn mưu cầu chi cả ; « Duy tuệ thị nghiệp » nghĩa là y theo cái nghiệp tri-tuệ mà tu tập thôi.

Đem hai điều giác thứ hai thứ ba sóng với 12 nhân duyên, mà chỉ lấy riêng có hai chi « ái » và « thủ » là vì hai chi ấy là cái cửa rất quan

yếu để giải thoát cái cầu sinh-tử, muốn cho chúng sinh cứ quan sát hai chi đó mà được phép giải thoát vậy.

Ba điều kể trên, đều là công hạnh tự-lợi, là phép dạy cho người ta thoát qua cái cầu sinh-tử, mà cũng là con đường giải thoát sinh tử của ba thừa cùng qua, mà phần cốt yếu thì chú trọng nhất vào chỗ xa lìa tham ái,

B. LÀM NHỮNG SỰ LỢI ÍCH CẢ HAI BÊN

**Đệ tứ giác tri, giải đãi trụy lạc,
thường hành tinh tiến, phá phiền não ác
tội phục tứ ma, xuất ảm giới ngục**

« Điều giác thứ tư, biết rằng lười biếng trễ nải thì chuy-lạc ngay, nên thường tinh-tiến, phá tan ác-nghiệp phiền-não, bắt phục bốn con ma, ra khỏi cái ngục ngũ-ấm và tam-giới ».

Điều giác này là điều giác thứ tư trong kinh Bát-đại nhân-giac, mà về phần phân-khoa tức là Nhị-lợi-hành là sự tu hành lợi cả mình cả kẻ khác, nên gọi là Nhị-lợi-hành. Trong mục này lại chia làm hai đoạn : 1. Tinh-tiến độ trễ lười, 2. Trí-tuệ độ ngu si. Trễ lười thì chậm-luân ở trong bể sinh-tử, tinh-tiến thì sang được bờ kia. Trong sáu phép tu Ba-la-mật, có hai phép Tinh-tiến Ba-la-mật và Trí-tuệ ba-la-mật, tức là phép đối trị hai cái bệnh ngu si trễ lười của chúng sinh. Trong lục-độ lấy hai độ này làm trọng yếu nhất, mà cũng là một đạo thiết yếu

tự lợi cho mình lại lợi khắp kẻ khác vậy

1 Tinh tiến độ trễ lười

Tinh-tiến là có ý hăng hái tinh cần, tức là cái công tác - dụng của tấm lòng hăng-hái tu các phép thiện, trừ các phép ác vậy. Sự tinh-tiến này là một phép tứ-chánh-cần ở trong 37 đạo phẩm. Tứ-chánh cần là : điều ác đã hiện rồi làm cho tiêu diệt đi ; điều ác chưa hiện ra, làm cho không hiện ra được, điều thiện chưa hiện ra, làm cho hiện ra ngay, điều thiện đã hiện ra làm cho càng lớn thêm ; tinh-tiến không biếng lười, làm nổi những sự khó làm, chịu hộ hết thấy sự khổ cho chúng sinh. Phạm những sự tự lợi, đều lấy tinh tiến làm cái động-cơ phát ra mà những sự lợi cho kẻ khác, cũng lấy tinh-tiến làm chỗ gắng gỏi ; cho chí hết thấy muôn sự, cũng đều vì chăm chỉ tinh-tiến mà được đến cõi không sụt lùi. Vị bồ-tát tu phép tinh-tiến là ngài Phả-hiền bồ-tát, cho nên gọi là Đại-hành phả-hiền. Ngài cưỡi con voi. Voi hay mang nặng đi xa, ví dụ với ngài Phả-hiền hay gánh vác được các trách nhiệm lớn phả tế cả chúng sinh, mà thường làm cái công phu tinh tiến vậy. Phạm các bồ-tát trong mười phương, tu theo công hạnh đại thừa, tất phải lấy ngài Phả-hiền làm khuôn phép, trừ các thói trễ lười đi. Điều giac thứ tư này, tức là cái công tu hành tinh tiến độ trễ lười đây. Ta muốn làm được cái công tinh tiến, trước hết phải biết cái khổ

hại của sự trề lười. Trề lười thì chuy lạc sụt lùi. Người đời chưa phát tâm lòng bồ đề, chưa tu công hạnh đại thừa, thì không biết cái khổ hại trề lười, nếu đã phát bồ đề tâm, tu hạnh đại-thừa, tất đã biết rõ cái hại trề lười. cũng như trèo thuyền nước ngược, không thể trề lười một phút nào được. Người đời cho rằng những bậc thánh nhân mới học Phật được, thế là lắm lắm. Vì rằng thánh nhân vô sự còn hơn là làm ác là lẽ cố nhiên, nhưng muốn tu lấy thiện pháp, thì lại phải lấy cái công-phu tu tinh tiến làm điều cốt yếu nhất. Tinh nghĩa là chỉ thuần có một chất, không lẫn tí gì; Tiến là lên không giạt lùi. Làm đạo tinh tiến, thì nên quên mình, chớ có quên cái chí tế độ chúng sinh. Nếu sinh lòng trề nải, thì làm sao cho thỏa cái nguyện lớn tế thế độ - sinh được.

Phá phiền-não ác. Phiền não có sáu thứ căn bản phiền não và 22 thứ tùy phiền-não. Ở trong ba tính, thuộc vào tính ác và tính vô-ký, gọi rằng « Phiền não ác » nghĩa là phát ra cái ác nghiệp bởi ba nghiệp của thân và bốn nghiệp của miệng nó gây nên. Nhưng thường làm đạo tinh-tiến, tất phải phá ác trước, bởi thế nên mới giải nghĩa chữ tử-khư là phá-ác, a-la-hán là sát tặc (diệt giặc lục căn) « Phá phiền não ác » lại có nghĩa là phá tan cái chương phiền não, tức là phá hai cái chương phiền-não-chương và sở-tri-chương, song, trong chỗ đó cũng có thứ tự,

có phần thô phần tế. Hai cái chương ấy cũng không ngoài chỗ đều có hai phần « phân-biệt sở khởi » và « câu sinh sở khởi » phần bởi phân biệt sở-khởi, tức là cái chương hiện đời này nó mới khởi lên ; phần bởi « câu sinh khởi » tức là cái chương đã khởi lên từ kiếp vô thủy. Cái chương « phân biệt sở khởi » thuộc về phần thô còn dễ trừ, cái chương « Câu sinh sở khởi » thuộc về phần tế, rất khó trị. Trừ được hai cái chương ấy, thì thấy phần chính giác hiện ra ngay. Cái chương « phân biệt sở khởi », lúc mới kiến đạo, bồ-tát đã trừ được ngay, còn cái chương « câu sinh sở khởi » thì đến lúc tu đạo bồ-tát mới dần dần chùng trị được.

Tối phục tứ ma : Tứ ma, 1 phiền não ma, 2 ngũ uẩn ma, 3 tử ma, 4 thiên ma. Phiền-não-ma là những sự phiền não nó quấy khổ thân tâm người ta, nên gọi là ma phiền-não. Ngũ uẩn ma, cũng gọi là ngũ-ám ma, nghĩa là bởi năm món sắc, thụ, tưởng, hành, thức nó tích tập lại mà làm cho chân tâm mờ tối, sinh ra bao nhiêu khổ não, cho nên gọi là ma ngũ uẩn. Ma phiền-não là nhân, ma ngũ-uẩn là báo. Tử ma lại gọi là con quỷ vô thường, vì nó làm cho người ta chết mất mạng và phá mất tính thiện của người, cho nên cũng gọi là ma. Như đang tu thiện, sự vô thường nó đến, làm cho không tròn phép thiện, thế là ma. Song con ma tử này cũng có phần thô phần tế. Phận-đoạn-tử là phần thô (phận đoạn

là thân thể người, có kẻ cao kẻ thấp, có người béo người gầy khác nhau). Biến-dịch-tử là phần tế (tu nhân bậc này, kết quả bậc kia, từ quả đầu cho đến quả tốt bậc, lần lần đi mãi). Về phần phạn-đoạn-tử thì chúng tôi bậc A-la-hán đã trừ được, còn phần biến-dịch-tử thì phải chúng tôi cõi Phật, mới trừ sạch được, Thiên-ma tức là Tha-hóa tự tại thiên-ma. Là một ma vương ở tầng giới thứ sáu trong lục giới hay làm hại sự tốt lành của người ta, cho nên gọi là thiên-ma. Thiên-ma cũng có phần thô, phần tế. Phần thô tức là bậc Tự-tại Thiên-ma trong lục-giới ; thường đem cái vui về ngũ-dục, sắc đẹp, tiếng hay, tiền tài, ăn ngon, ngủ kỹ làm cho chúng sinh mê hoặc sa đọa, ấy là hạng ma trong lục - giới. Nó là chúa trong lục-giới, coi hết thầy nhân dân ở trong bờ cõi mình, đều phải phục tùng chánh lệnh giáo-hóa của mình, nếu ai phat tâm tu hành, định thoát ly ra ngoài cõi-dục, nó tất hết sức ngăn trở, khiến cho hết thầy chúng sinh thường phải chịu quyền bó buộc của nó ở trong lục-giới, cũng như những người lãng mạn cho sự dâm dật phóng túng về vật - chất là sự sợ hãi nhất của đời người, cũng là giòng giới con ma ấy cả. Những điều chủ - chương của bọn ấy, nó làm cho tinh thần người ta cứ chìm đắm trong vòng vật-dục, trái hẳn với phép Phật. Phép Phật chỉ cốt tinh tiến ki cùng, vượt qua lục-giới mà ra ngoài tam-giới, cho

nên bắt phục thiên ma, tức là cái công tu hành lợi-tha nữa vậy. Phần tế tức tà bực Bồ-tát làm về mặt trái trụ ở trong chỗ bất-khả tư-nghị, như ông Đề-bà-đạt-đa ở trong kinh Pháp-hoa và ngài Bất-tư-nghị bồ-tát ở trong kinh Duy-ma-Cật vậy. Bắt phục được lũ thiên-ma, tức thì vượt ra khỏi cái ngục tam-giới ngũ-ấm, cho nên nói rằng xuất-sấm giới-ngục.

2. TRÍ-TUỆ ĐỘ NGU SI

**Đệ ngũ giác ngộ, ngu si sinh tử.
Bồ-tát thường niệm, quảng học đa văn,
tăng trưởng trí tuệ, thành tựu biện tài,
giáo hóa nhất thiết, tất dĩ đại lạc.**

« Điều giác ngộ thứ năm, biết rằng vì ngu si mới luân hồi sinh tử, bồ-tát thường thường nghĩ học cho rộng, nghe cho nhiều, tu thành cái tài làm việc, để giáo hóa cho hết thấy chúng sinh đều được cực kì vui sướng. »

Điều trên là nói về phép « Tinh tiến độ trê lười », đoạn này là nói về phép « Trí tuệ độ ngu si ». Ngu si là cái gốc sinh tử. Hết thấy chư pháp, nguyên vẫn không có tự tính, thường thanh tịnh hết, viên dung vô-ngại, ngu si tức là không hiểu rõ tới cái tính-tướng chân-thực và sự-lý chân-thực của mọi pháp, không biết rằng mọi pháp nguyên vẫn là thanh-tịnh, cho nên gọi rằng ngu si. Chúng-sinh chỉ vì ngu-si, nên mới vọng chấp là có ta có pháp, không thấu nhân quả,

không rõ chúng sinh hữu tình với thế-giới vô tình đều là cái quả của mọi **nghiệp** nó sinh ra. Ngu-si tức là vô-minh, bởi vô minh mới có sinh-tử. Trong 12 nhân duyên vô-minh đứng đầu, vô-minh duyên **hành**, hành duyên **thức**, thức duyên **danh sắc**, danh sắc duyên **lục nhập**, lục nhập duyên **xúc**, xúc duyên **thụ**, thụ duyên **ái**, ái duyên **thủ**, thủ duyên **hữu**, hữu duyên **sinh**, sinh duyên **lão tử**, vòng quanh nhau mãi, thành ra trôi rạt trong bể khổ sinh tử. Nay muốn liễu sinh tử, cho nên phải học rộng nghe nhiều, nương tựa vào ba tạng kinh điển, thân gần người thiện trí thức, thường nghe những phép chân-chính, khiến cho cái trí tuệ thanh tịnh vô lậu ngày một thêm lên, tức là liễu được sinh tử, ấy là cái công-phu tự lợi, nếu lại đem cái trí-tuệ thanh-tịnh vô lậu ấy ra mà giáo hóa cho hết thấy chúng sinh, tức là cái công pho lợi-tha rồi, **Thành tựu biện tài** nghĩa là tu luyện thành bốn món **vô ngại biện tài** : 1 pháp vô ngại biện: nghĩa là thông suốt hết thấy mọi pháp phân biệt ranh mạch, không còn chỗ nao mắc miu nữa; 2 **Nghĩa vô ngại biện** nghĩa là hiểu hết nghĩa lý mọi pháp, không còn mập mờ chỗ nào nữa; 3 **Từ vô ngại biện**, nghĩa là thông hiểu đủ lối nói năng mà dằng diễn giáo pháp cho chúng-sinh hiểu được; 4 **Lạc thuyết vô ngại biện**, nghĩa là tùy thuận chúng sinh, thích nghe pháp gì thì thuyết pháp cho nghe. Có tu được bốn món biện tài ấy, rồi mới giáo hóa cho hết thấy chúng

sinh, đều được cực kỳ sung sướng, giải thoát phiền-não, được hưởng cái thú giải-thoát; công đức giải thoát viên mãn rồi, được hưởng cái thú chứng-thành pháp thân. Vị bồ-tát để làm khuôn mẫu cho người tu phép Trí-tuệ độ ngu-si, ấy là ngài Văn-Thù. Con thú ngài cưỡi là con sư tử, lấy ý rằng trí-tuệ như con sư tử gầm, hàng phục được hết thấy các loài thú ngu si. Cái đồ ngài cầm là thanh bảo-kiếm, lấy ý rằng thanh bảo kiếm ấy mới chém đứt được hết những mối ngu si mê hoặc. Người tu công phu trí-tuệ độ ngu-si, phải nên lấy Ngài Văn-Thù bồ-tát làm khuôn mẫu.

Từ đây trở lên là nhị lợi-hành, hai bên cùng lợi, lợi tha (1) tức là tự lợi, tự lợi tức là lợi tha. Tự tha đều lợi, rồi mới làm đầy đủ được hết thấy thiện-pháp vậy.

Từ đây trở xuống, chuyên nói về công phu làm sự lợi tha, cũng là lối tu hành riêng của bậc Đại-thừa bồ-tát.

C. LÀM SỰ LỢI THA

Công hạnh lợi tha, chia làm ba : 1. Bình đẳng

(1) **THA** nghĩa là kẻ khác, là chỉ cả người và mọi vật mọi sự. Như ta đối với con trâu, thì ta là **TỰ** mà con trâu là **THA**. Tâm với duyên ngoài thì tâm là tự mà duyên ngoài là tha. Hai chữ này là chữ thông dụng ở trong nhà Phật mà có rất nhiều nghĩa, hiện chưa tìm được tiếng gì dịch cho đúng nên phải để nguyên là **TỰ** với **THA** mong các ngài cao minh dịch giúp cho.

bố thí ; 2. Vào cõi trần không nhiễm ; 3. Xem thấy nỗi khổ não của chúng sinh mà ra tay tế độ.

1. BÌNH-ĐẲNG BỐ-THÍ

**Đệ lục giác tri, bản khổ đa oán,
hoạnh kết ác duyên, Bồ-tát bố thí,
đẳng niệm oán thân, bất niệm cựu ác,
bất tăng ác nhân.**

« Điều giác ngộ thứ sáu, biết khi nghèo khổ hay oán trách, kết nhiều duyên xấu. Bồ-tát bố thí, coi kẻ oán người thân ngang nhau, không nghĩ điều ác cũ, không ghét người ác ».

Một đoạn này, đối với công hạnh lợi-tha là cái công phu coi kẻ oán người thân ngang nhau mà từ bi bố thí. Vì rằng chư Phật bồ-tát, coi kẻ oán người thân ngang nhau, để tu cái hạnh bình đẳng đại từ mà bố thí, mà tế độ cho chúng sinh. Người ta từ lúc vô thủy tới nay, trong khi còn là chúng sinh, phần nhiều là nghèo khổ, nghèo khổ thì thường mang tấm lòng bất bình và làm nhiều điều tội ác, chỉ có bậc quân tử mới có thể yên cảnh nghèo mà vui đạo được thôi. Trong lúc nghèo khổ xưa kia, đã mang tấm lòng bất bình và làm nhiều điều độc ác, lẽ tự nhiên là đã gây nên cái nghiệp oán thù với nhiều người rồi, cho nên kiếp này tuy mở lòng bồ-đề, tu cái hạnh đại thừa, muốn tế-dộ cho hết thầy chúng-sinh, mà chúng-sinh không ai về với, sở dĩ như

thế, là vì còn mắc nghiệp trước chưa tiêu sạch vậy. Vì thế cho nên phải tu cái hạnh bình-đẳng đại-từ để mà giải hết những nghiệp oán thù với chúng sinh từ lúc vô thủy kia đi, bất luận kẻ oán người thân đều coi ngang nhau mà bố-thí, dù gặp người ác cũng lấy tấm lòng hiền hòa mà đối đãi, rồi mới vào đời mà mở được cái cửa lớn phổ độ chúng-sinh vậy. Vì bồ-tát tu theo hạnh này là ngài Di-Lặc, cho nên lại có tên gọi ngài là Từ-Thị bồ-tát. Tu theo cái hạnh đại-từ phải nên coi ngài làm khuôn mẫu.

2. VÀO CÔI TRẦN KHÔNG NHIÊM

**Độ thất giác ngộ, Ngũ dục quá hoạn.
Tuy vi tục nhân, Bất nhiễm thế lạc.
Thường niệm tam y, Ngõa bát pháp khí.
Chí nguyện xuất gia, Thủ đạo thanh bạch.
Phạm hạnh cao viễn, Từ bi nhất thiết.**

« Điều giác thứ bảy, biết năm món dục làm hại lắm, dù là người trần tục, mà không dây thối đời, thường nghĩ đến ba tấm áo cà sa và bình bát xin ăn, chí nguyện xuất gia, giữ đạo thanh bạch, nét phạm cao xa, yêu thương hết thầy cae chúng-sinh ».

Một đoạn này, đối với công hành lợi tha, là cái công phu vào trong trần tục mà không nhiễm. Tu cái hạnh này, điều thứ nhất phải lấy lòng từ bi mà đối với hết thầy chúng-sinh mà phải vào ở trong chúng-sinh mà phổ độ chúng-sinh, như

ngài Quán-thế-âm bồ-tát đã nói ở trong phẩm Phổ-môn kinh Pháp-hoa. Ngài ở trong trần tục, thường hiện ra bao nhiêu thân mà lễ-độ giải-thoát cho hết thầy chúng sinh, cho nên chúng sinh đáng nhờ thân nào cho được độ thì ngài lại hiện ngay thân ấy mà độ cho. Nay ta muốn đem lòng lành mà làm cái hạnh phổ độ, thì phải coi ngài Quán âm làm khuôn mẫu. Năm món dục là sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, mùi ngon và chạm biết, (súc trần 觸 tức các thứ nằm ngồi cho êm cho thích). Vì năm món ấy nó hay khêu dục cái lòng tham dục của người ta, cho nên gọi là năm món dục. Bồ-tát biết năm món dục ấy nó làm hại lắm cho nên tuy ở trong vòng trần dục, mà không bị năm món dục ấy nó chìm đắm, cũng như hoa sen mọc ở trong bùn mà không dầy bùn ; Tuy ở trong vòng chúng-sinh cùng đi cùng đứng với người phàm mà đối với những món dục-lạc của thế-gian không có lòng ham thích. **Thường niệm tam y.** Tam y là ba tấm áo của người xuất-gia mặc ; 1. Tăng già lê. 2. Uất đa la tăng ; 3. An đà hội, mà ta thường gọi là ba tấm cà sa. Bình bát tức là cái bát bằng sành, như hình cái bình, là đồ pháp - khí của người xuất-gia dùng để xin ăn. Vì rằng đã biết cái lụy năm món dục trong trần tục, cho nên thân tuy tại-gia, mà tâm thực đã xuất-gia rồi, thế cho nên nói rằng **chí nguyện xuất gia, thủ đạo thanh bạch.**

Phạm hạnh cao viễn. Phạm hạnh là một cái

hạnh rất cao thượng thanh tịnh khác hẳn cái hạnh của thế-tục, cho nên vẫn ở cõi trần mà tâm địa thanh bạch, đó tức là cái hạnh ở trong trần mà không nhiễm, là cái công hạnh vào trong trần tục làm lợi sinh linh, cho thực hiện cái chủ nghĩa từ-bi. Nếu ai muốn tu theo cái hạnh ấy, cần phải thường thường nghĩ đến ngài Quán-âm, nhớ đến ngài Quán-âm, y theo chí-nguyện hành-vi của ngài Quán-âm mà tế-độ cho hết thấy chúng sinh.

3. XEM THẤY NÔI KHỔ NÀO CỦA CHÚNG SINH MÀ RA TAY TẾ-ĐỘ

**Đệ bát giác tri, Sinh tử xí nhiên,
Khổ não vô lượng, Phát đại thừa tâm (1),
Phổ tế nhất thiết, Nguyên đại chúng sinh
Thụ vô lượng khổ, Linh chư chúng sinh,
Tất kính đại lạc,**

« Điều giác thứ tám, biết ngọn lửa sinh-tử cháy nồng nàn, khổ não vô lượng, mới mở lòng đại-thừa, cứu khắp hết thấy, tinh nguyện chịu thay vô cùng khổ não cho chúng - sinh, khiến cho chúng-sinh được hoàn toàn sung sướng ».

(1) Chữ THỪA có hai âm. một âm là Thặng, nghĩa là cỗ xe, một âm là Thừa, nghĩa là cưỡi xe cưỡi ngựa, cứ theo đúng nghĩa thì ở chỗ này phải đọc là Thặng mới đúng. Vì kinh Pháp-hoa chia ra làm ba bậc, bậc Bồ-tát tự độ mình lại độ cho mọi loài cũng như cỗ xe lớn trở được nhiều người vậy. Vì xưa nay ta quen gọi là thừa rồi, nên tôi cũng theo tục quen.

Một đoạn này đối với công-hành lợi tha, là cái công phu chịu khổ thay cho chúng sinh mà tế độ hết thảy, tức là làm cái hạnh từ-bi rất thâm thiết mà tế-độ cho chúng sinh rất khổ ở trong thế gian. Vì Bồ-tat tu cái hạnh này là ngài Địa-Tạng bồ-tat, ngài Địa-Tạng bồ-tat thường ở trong đường ác, Địa-ngục mà tế-độ cho chúng-sinh rất khổ. « Địa-ngục chưa bỏ không thì vĩnh-viễn không chịu lên cõi Phật ». Ngài Địa-Tạng thương xót hết thảy chúng - sinh bị cái khổ sống chết nòng nản, cho nên mới mở lòng đại-thừa, động lòng đau xót, quyết muốn cứu độ cho hết thảy. Thấy chúng sinh thường ở trong bể sinh-tử, thường đọa trong vòng địa ngục, mà không thể tự gỡ ra được, cho nên quyết phải chịu khổ thay cho chúng-sinh, vì thế nên chúng - sinh ở trong địa-ngục, được nghe đến một danh hiệu ngài Địa-Tạng, được ngó thấy một tia sáng của ngài Địa-Tạng, thì địa-ngục kia tức biến ra cảnh thanh lương, đó là một sự chứng thực ngài Địa-Tạng chịu khổ thay cho chúng-sinh đó. Kể trong công hành lợi-tha, thì ngài Địa-Tạng là có lòng bi thiết hơn hết. Cho nên người ta muốn tu cái hạnh lợi-tha đến cực điểm, thì phải coi ngài Địa-Tạng bồ-tat làm khuôn mẫu vậy.

Sinh tử si nhiên (sống chết nòng nản)
Trong kinh Pháp-hoa Phật nói : « chúng-sinh bị đầy đọa trong vòng sống chết luân hồi, cũng như ở trong cái nhà đã mục nát, lại đang bị lửa cháy nòng nản, cực kỳ khổ não, nào thất tỉnh, nào

lục dục, sinh già, ốm chết, yêu mến nhau mà phải lìa tan, thù nhau mà phải gặp gỡ, muốn thế này hóa ra thế khác, cho chí ngũ-uần tranh nhau, làm cho tai mắt miệng thân ý ẽ trề khở não, thế mà vẫn cứ lặn vào, lấy làm vui làm thích không hề biết tìm lối mà ra, Phật trông thấy thế, lấy làm thương lắm, nên mới ứng thân xuống đời mà dùng phép phương-tiện cứu vớt dần ra.

3. — Phần lưu thông

« Hết phần giảng về chính nghĩa, đến phần lưu-thông. Phần lưu-thông là phần sau trót trong một bộ kinh, đem những phép đã nói mà phó chúc cho đệ-tử, để mà lưu thông cho đời sau, khiến cho đời sau cứ y theo thế tu-hành mà được giác ngộ vậy ».

Như thử bát sự, Nãi thị chư phật,
Bồ tát đại nhân, Chi sở giác ngộ,
Tinh tiến hành đạo, Từ bi tu tuệ,
Thừa pháp thân truyền, Chí niết bàn ngạn,
Phục hoàn sinh tử, Độ thoát chúng sinh,
Dĩ tiền bát sự, Khai đạo nhất thiết,
Linh chư chúng sinh, Giác sinh tử khổ,
Xả li ngũ dục, Tu tâm thánh đạo.
Nhược Phật đệ-tử, Tụng thử bát sự,
Ư niệm niệm trung, Diệt vô lượng tội,
Tiền thú bồ-đề Tắc đáng chính giác

Vĩnh đoạn sinh tử, Thường trụ khoái lạc.

« Tám sự kể trên, tức là những điều của chư Phật và bồ-tát đại-nhân ngài đã giác ngộ, mới tinh tiến làm đạo, tu cả hai phần từ-bi và trí-tuệ, cưỡi con thuyền pháp-thân, đến bên bờ niết-bàn, rồi lại trở lại cõi đời sinh tử mà tế độ giải thoát cho chúng-sinh. Ngài đem tám điều kể trên ra mà mở mang chỉ dẫn cho hết thầy chúng-sinh, khiến cho chúng-sinh biết rõ cái cảnh sinh tử là khổ, mà xa lìa năm món dục, chỉ tâm tu theo đạo thành. Nếu các đệ-tử Phật, tụng tám sự đó, trong mỗi niệm niệm luôn kia, tự nhiên tiêu diệt được không biết bao nhiêu là tội, tới thẳng bồ-đề, lên ngay chính giác, trừ hết hẳn sự sinh tử, thường ở trong cảnh vui-sướng ».

Phần lưu-thông này lại chia làm hai đoạn :

1. KẾT THÀNH HAI ĐIỀU LỢI ÍCH

Tám điều này là tám điều giác ngộ của bậc đại-nhân. Đại-nhân tức là chư Phật và Bồ-tát. Nếu theo như thế mà tu, thì phải tinh-tiến làm đạo, nghĩa là phải tinh tiến mà tu hành hết thầy những đạo vô-lậu. Từ-bi tu tuệ, tức là tu theo cái trí tuệ của chư Phật và Bồ-tát, Thừa pháp thân thuyền, chỉ niết bàn ngạn. Pháp-thân thuyền tức là cái thực-linh chân-như của hết thầy chư pháp, nương theo cái phần vô phân-biệt-trí-tuệ mà chứng tới vậy. Lại có một nghĩa là hết thầy những pháp vô-lậu công đức là pháp-

thân-thuyền. Chữ Pháp thân - thuyền đây cũng như đại-bạch ngư - xa (tử với đạo đại thừa, tự độ mình lại độ hết chúng-sinh) ở trong kinh Pháp-hoa. Tu thành Phật quả, tức là đến bờ niết-bàn. Từ đây trở lên là cái công phu tu hành tự lợi cho mình. Đã liễu sinh tử rồi, lại trở về cõi sinh-tử mà tế độ giải thoát cho chúng sinh, tức là cái công phu tu hành lợi tha, (làm lợi cho người và hết thảy mọi loài), nghĩa là đã tu thành Phật rồi, lại trở lại cùng sinh hoạt với chúng-sinh mà độ cho chúng-sinh vậy. Chư Phật Bồ-tát lấy tám điều đại giác ấy để tự độ, cũng lại lấy ngay tám điều giác ấy mà tế-độ người, cho nên nói rằng : « dĩ tiền bát sự, khai đạo nhất thiết,... giác sinh tử khổ, xả li ngũ dục, tu tâm thánh đạo » v v. Đoạn này từ câu *chí niết bàn ngạn* trở lên, kết thành cái quả tự lợi ; từ câu *phục hoàn sinh tử* trở xuống kết thành cái quả lợi tha.

2. KHUYÊN TỤNG TAM ĐIỀU

Nếu người đời mà hay chăm tụng tám điều giác ấy, thì pháp ấy thường lưu-thông ở đời. Nếu trong mỗi niệm niệm, cứ tụng tám điều ấy luôn luôn, lâu lâu hiểu thấu, tự nhiên ra khỏi cái vòng sinh tử, tự nhiên thành Phật mà tế độ giải thoát cho hết thảy chúng-sinh, niệm niệm tiến lên đạo a-lốc đa-la-tam-riêu-tam-bồ-đề, thì tự nhiên mau thành bậc chính giác. Chính giác tức là bồ-đề, đó tức là cái quả bồ-

đề ở trong cái quả nhị-chuyển biến-dịch (1) rút hẳn sự sinh, lại thường ở nơi sinh tử, tức là cái quả niết-bán ở trong cái quả nhị-chuyển biến dịch. Nên trong niệm niệm thường tu lập tám điều đó, tức là niệm niệm là Phật rồi. Bản kinh này từ đầu chí cuối, đều tiêu hai chữ tụng niệm, đủ biết người tu hành cần phải tụng niệm kinh này lắm. Thế cho nên người ta phải nghĩ nhớ đến kinh này luôn và nương theo kinh này mà tu mới được.

3. TIÊU BIỂU NHỮNG PHẦN CƯƠNG YẾU

Tám điều giác ngộ trong kinh này, là do ngài An-Thế-Cao pháp-sư lọc lấy những phần cương-yếu ở trong tam-tạng ra, cho nên bản kinh này tức là một bộ cương-yếu cho hết thầy các kinh. Vì rằng hết thầy các kinh đều không ngoài phép ngũ-thừa cộng pháp và đại-thừa bất-cộng pháp. Trong kinh này ba điều giác trên là bao la tất cả phép tam-thừa cộng-pháp mà kết thành cái quả tự-lợi ; năm điều giác sau bao quát hết cái quả đại-thừa bất-cộng, đủ cả khuôn mẫu năm vị đại bồ-tát như Phổ-hiền, Văn-thù, Di-lặc, Quán-âm, Địa-tạng ở trong năm quả núi danh-sơn trong nước Tàu. Phạm học theo cái hạnh đại-thừa bồ-tát, đều không ngoài những điều giác ấy. Trong điều giác thứ bảy nói : « Tuy là người trần-tục, không nhiễm cái thú đời, giữ đạo thanh

(1) Chuyển phiền não thành bồ - đề 2 Chuyển sinh tử thành nát-bán.

bach, nết phạm cao xa » lại là kiêm cả phép ngũ-thừa cộng-pháp, xem thể đủ hiểu đến phần cương-yếu trong kinh này rồi. Nói tóm lại thì phép Phật tuy rất quảng đại, nhưng rút lại chỉ có ba khoản là : 1 Cảnh, 2 Hành, 3 Quả. Như trong kinh này, thì điều thứ nhất là chỉ rõ cái cảnh đã quán, từ điều thứ hai đến điều thứ tám là chỉ bảo cho biết phép tu hành, kết thành hai điều lợi cho rõ công quả mà quán cả hai điều tự-lợi lợi-tha hành-quả - Xem bảng vẽ qua dưới này :

	HÀNH	QUẢ
Ba điều giác I II III	Tự lợi	Đoạn đức (đoạn trừ phiền não tới cõi giải - thoát).
Hai điều giác IV V	Tự lợi	Trí đức (lấy trí-tuệ chiếu tỏ mọi phép viên dung vô ngại).
Ba điều giác VI VII VIII	Lợi tha	Ân đức (Như - lai làm theo đại-nguyện cứu hết chúng-sinh như thương con đỏ).

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ GIỚI-TỬ HỌC-SINH
TRƯỜNG TRUNG-ƯƠNG TRƯỜNG CAO-PHONG
CUNG DÀNG KINH BẢO ĐỨC HÒA-THƯỢNG
CHÂN-NHƯ

Tỷ-khiêu

Tâm-Liên

Tâm-Trạch

Tâm-Dực

Tâm-Giác

Tâm-Nguyên

Thanh-Truyền

Tâm-Tịch

Tâm-Ấn

Tâm-Chính

Tâm-Minh

Tâm-Thông

Sa-di — Hình-dồng

Thanh-Kiểm

Tâm-Kiên

Thanh-Phòng

Tâm-Định

Tâm Nhãn

Thanh-Tâm

Thanh-Nhâm

Viên-Quang

Tâm Thiệu

Thanh-Dương

Tâm-Khải

Tâm-Phương

Tâm-Khả

Tâm-Khoan

Tâm Lợi

Tâm-Phục

Nguyên-Nhã

Nguyên-Long

Nguyên-Dưỡng

Nguyên-Thị

Nguyên-Vinh

Nguyên-Lâm

Nguyên-Viên

Nguyên-Lyễn

HÁN-VIỆT TỰ-ĐIỂN

Nhà in Đuốc-Tuệ hội Phật-Giáo

Bắc-kỳ xuất bản

Đủ hết chữ Nho, âm nghĩa đối chiếu, cắt nghĩa rất kỹ, mỗi nghĩa đều có dẫn một câu thí dụ bằng chữ Nho và giải cả nghĩa câu chữ Nho nữa. Chữ nào thuộc về kinh Phật, lại cắt nghĩa theo sách Phật cho tiện cả người học Nho và học Phật.

Bộ này chia làm hai tập :

Tập I, BỊ YẾU, đủ hết các chữ cần dùng, giá 7p.00, đóng kỹ 8p.00

Tập II, BỊ KHẢO, đủ các chữ cổ chữ kim, giá 5p.00, đóng kỹ 6p.00

Đến tháng mười là này xong tập BỊ YẾU.

Sách in có ít, ngài nào muốn mua xin viết thư về cho :

M. NGUYỄN-HỮU-KHA

73, Phố Richaud — Hanoi.